

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
PETROVIETNAMPOWER CORPORATION - JSC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
HUA NA HYDROPOWER JSC

Số/No: 348/CBTT-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom- Happiness

Nghệ An, ngày 27 tháng 03 năm 2026

Nghê An, March 27, 2026

Kính gửi:

Respectfully to:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
State Securities Commission of Vietnam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Vietnam Stock Exchange
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

CÔNG TY
CP THỦY
ĐIỆN
HỦA NA

Digitally signed by CÔNG TY
CP THỦY ĐIỆN HỦA NA
DN: C=VN, S=NGHỆ AN,
L=Thành phố Vinh,
CN=CÔNG TY CP THỦY
ĐIỆN HỦA NA,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:2900797430
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing
location here
Date: 2026-03-27 17:27:18
Foxit Reader Version: 10.0.1



Tên tổ chức/ Organization : Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na
name Hua Na Hydropower Joint Stock Company

Mã chứng khoán/ Mã thành viên : HNA

Stock code/ Broker code

Trụ sở chính/ Headquarter : Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường
Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
9th Floor, Nghe An Petroleum Building, No. 07
Quang Trung Street, Thanh Vinh Ward, Nghe An
Province.

Điện thoại/ Tel : 0238.3588766

Người thực hiện CBTT/ Submitted by : Ông Nguyễn Xuân Sơn
Mr. Nguyen Xuan Son

Loại thông tin công bố/ Information disclosure type : 24h/ Yêu cầu/ Bất thường/ Định kỳ/
24 hours On demand Extraordinary Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.

Hua Na Hydropower Joint Stock Company respectfully announce the 2025 Annual Report of Hua Na Hydropower Joint Stock Company.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 27/3/2026 tại đường dẫn <https://huana.com.vn>.

This information was published on the Company's website on March 27, 2026, as in the link <https://huana.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo thường niên năm 2025.

The 2025 Annual Report.

Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ *As above.*

- Lưu/ *Archives:* VT/AD.

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NA
ON BEHALF OF HUA NA HYDROPOWER JSC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**

**PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR**



Nguyễn Xuân Sơn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

—
Nghệ An, tháng 03 năm 2026



MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCCD	Căn cước công dân
CTCP	Công ty cổ phần
Công ty/ Hủa Na/ HNA	Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na
CP	Cổ phiếu
NMTĐ	Nhà máy thủy điện
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTB	Trang thiết bị
TSCĐ	Tài sản cố định
TV HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị
TV BKS	Thành viên Ban kiểm soát
TP	Thành phố
QTKD	Quản trị kinh doanh
VĐL	Vốn điều lệ

I. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT 04

THÔNG TIN CHUNG 06

1. Thông tin khái quát	06
2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh	08
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	09
4. Định hướng phát triển	10
5. Các rủi ro	11

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 13

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	14
2. Tổ chức nhân sự	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	23
4. Tình hình tài chính	24
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	25
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	26

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC 29

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	30
2. Tình hình tài chính	31
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	32
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	32
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	34
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	34

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 35

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	36
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	36
3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	37

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 39

1. Hội đồng quản trị	40
2. Ban kiểm soát	42
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	43

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 45



TỔNG DOANH THU
1.172,95 tỷ đồng
hoàn thành **142%** so với kế hoạch

LỢI NHUẬN SAU THUẾ
475,81 tỷ đồng
đạt **257%** so với kế hoạch

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỌI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý cổ đông,

Năm 2025 là một năm nhiều thử thách và khó khăn đối với CTCP Thủy điện Hủa Na. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều biến động và diễn biến thời tiết bất lợi. Trong bối cảnh đó, tầm quan trọng của ngành điện đối với việc ổn định nguồn năng lượng quốc gia đòi hỏi Công ty phải luôn tập trung cao độ trong công tác điều hành, bảo trì, duy trì hoạt động liên tục các Nhà máy. Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực nhằm không gây ra tình trạng gián đoạn nguồn cung điện và đảm bảo hoạt động kinh doanh diễn ra hiệu quả, quả bám sát kế hoạch đề ra.

Năm 2025, với nhiều khó khăn, thách thức do diễn biến thời tiết bất lợi và các yếu tố khách quan tác động, với các giải pháp quản trị hiệu quả cùng sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể Lãnh đạo và Cán bộ, Công nhân viên - Người lao động, Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn, chủ động nắm bắt cơ hội, thực hiện tốt công tác quản lý, vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy Thủy điện Hủa Na, Nậm Nơn. Kết quả đạt được, tổng doanh thu là **1.172,95 tỷ đồng, đạt 142%** so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế của Công ty là **475,81 tỷ đồng, đạt 257%** so với kế hoạch. Trong năm, Công ty tiếp tục thực hiện chi trả cổ tức 10% vốn điều lệ, qua đó khẳng định uy tín và niềm tin đối với các Quý cổ đông và nhà đầu tư.

Ngoài ra, với vai trò là một thành viên trong cộng đồng địa phương, CTCP Thủy điện Hủa Na trong năm 2025 đã phát huy không ngừng các giá trị bền vững thông qua các hoạt động an sinh xã hội, các chương trình thiện nguyện xóa đói giảm nghèo và công tác bảo vệ môi trường tại khu vực các nhà máy. Các nỗ lực của CTCP thủy điện Hủa Na nhằm đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Nghệ An đã được chính quyền các địa phương ghi nhận và đánh giá cao.

Bước sang năm 2026 được dự báo có nhiều biến động cả về mặt kinh tế lẫn tình hình khí hậu, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra kế hoạch năm 2026 một cách thận trọng. Theo đó, ưu tiên vận hành ổn định và an toàn 02 nhà máy vẫn được đặt lên hàng đầu. Chúng tôi tin tưởng rằng, cùng với tinh thần trách nhiệm cao không ngại khó khăn, Ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty sẽ đáp ứng và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Quý cổ đông giao phó, đóng góp vào an ninh năng lượng quốc gia.

Thay mặt Ban lãnh đạo CTCP Thủy điện Hủa Na, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tập thể cán bộ công nhân viên, các đối tác, khách hàng và Quý cổ đông đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng với Công ty thời gian qua. Chúng tôi mong rằng tiếp tục nhận được nhiều sự ủng hộ của quý vị trên con đường phát triển của Công ty.

Xin chân thành cảm ơn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hoàng Xuân Thành

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
Vốn điều lệ	2.352.322.100.000 đồng.
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2025)	3.446.832.513.494 đồng
Địa chỉ	Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.
Số điện thoại	02383 588 766
Số fax	02383 588 767
Website	http://huana.com.vn
Mã cổ phiếu	HNA



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CTCP thủy điện Hủa Na được thành lập ngày 16/05/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. CTCP thủy điện Hủa Na hiện đang quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na tại xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An và Nhà máy thủy điện Nậm Non tại xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An.



2. NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

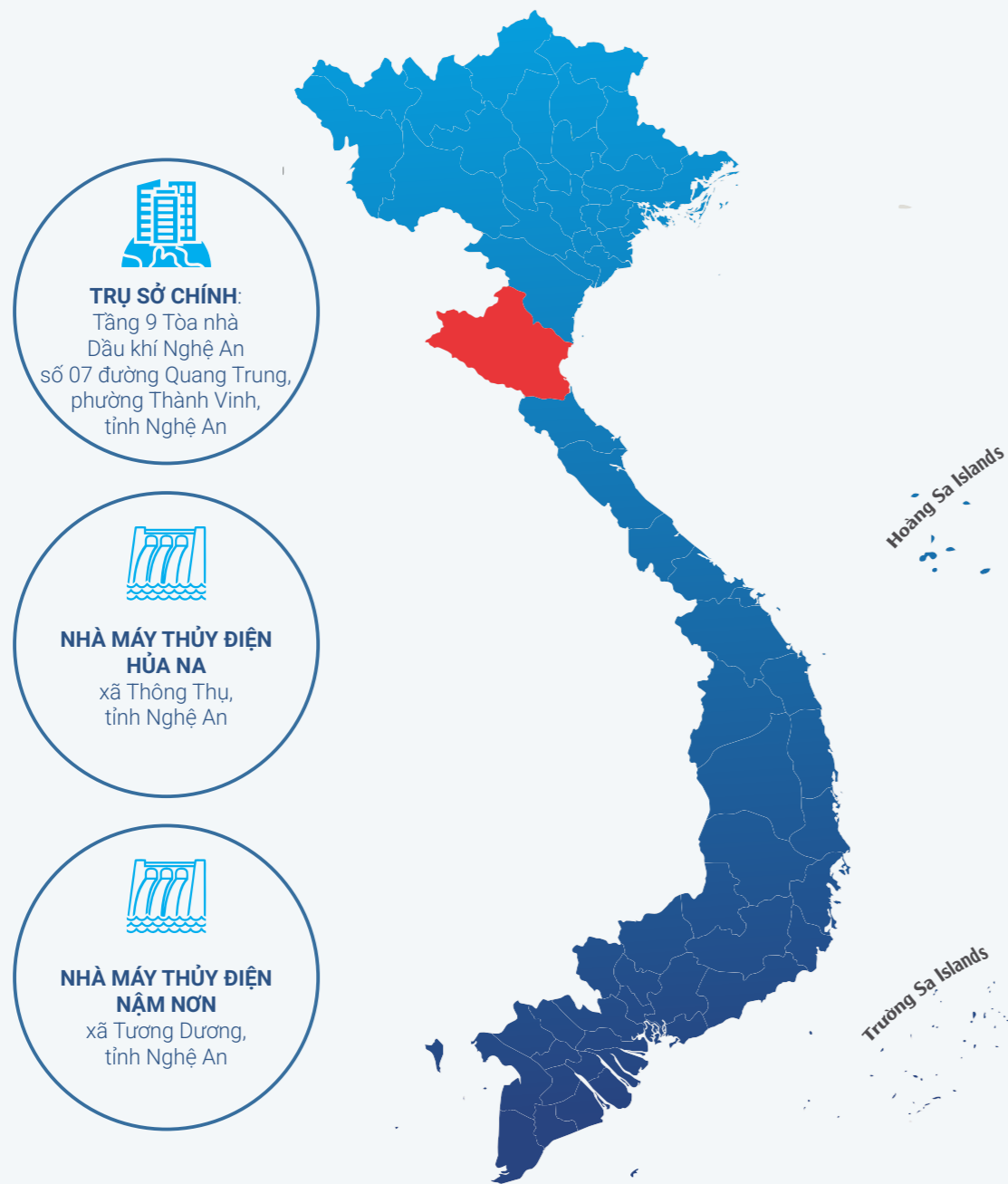
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



SẢN XUẤT ĐIỆN VÀ KINH DOANH ĐIỆN

Hiện CTCP Thủy điện Hủa Na đang vận hành 02 dự án thủy điện là Nhà máy thủy điện Hủa Na và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

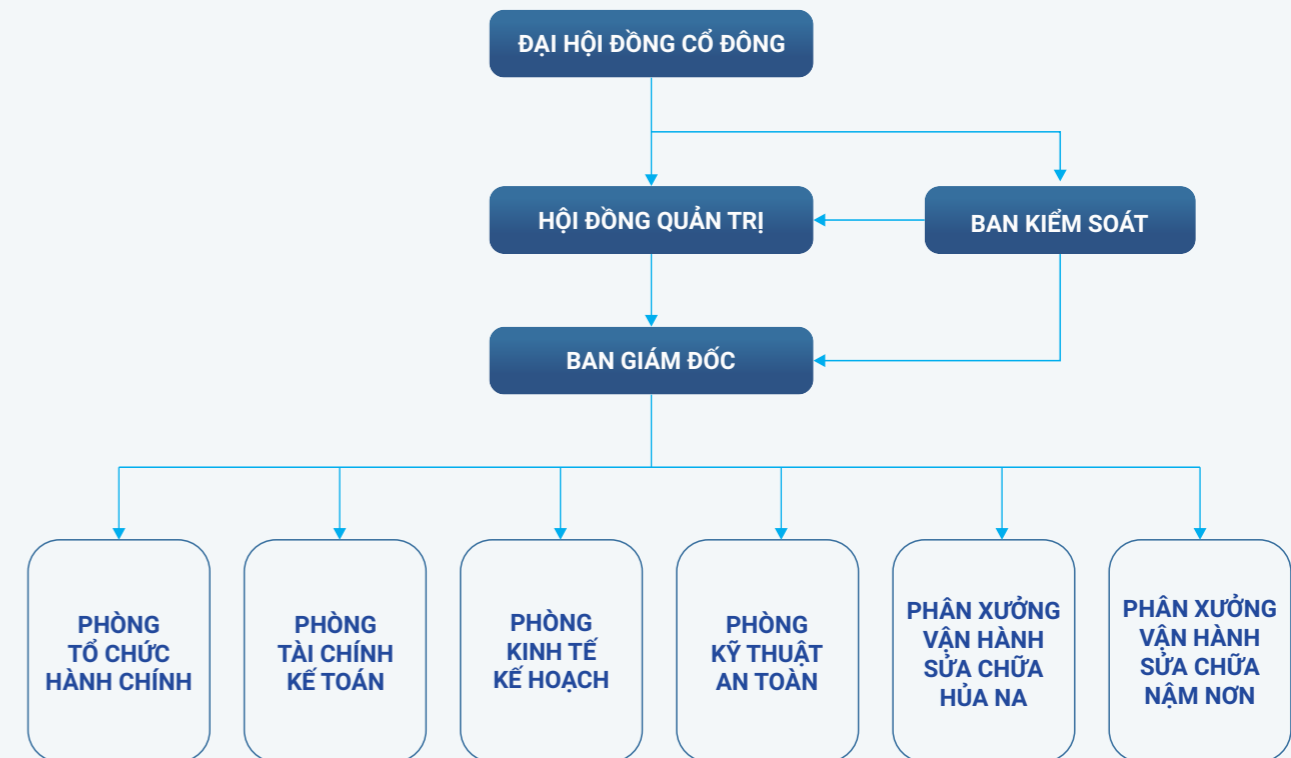


3. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Kinh doanh trong những lĩnh vực mà Công ty am hiểu, có nhiều kinh nghiệm như vận hành, sửa chữa các nhà máy thủy điện để tận dụng thế mạnh sẵn có của Công ty.

Phát triển dịch vụ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các nhà máy điện.

Đầu tư và nắm quyền chi phối một số các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ; nghiên cứu đầu tư dự án mở rộng nhà máy thủy điện Hòa Na nhằm chủ động thực hiện được những mục tiêu chiến lược của Công ty.

Đầu tư góp vốn vào các nhà máy điện; đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản; dịch vụ trên hồ nhằm đa dạng hóa, đảm bảo dòng tiền, hiệu quả và lợi ích kinh tế của Công ty.

Mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy được tối đa nguồn lực hiện có của công ty.

Đào tạo phát triển và bổ sung nguồn lực có chất lượng cho công ty, xác định đây là yếu tố quan trọng sẽ đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Xây dựng công ty trở thành công ty đại chúng mạnh có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ lĩnh vực quản lý đầu tư thủy điện và phát triển đa ngành các lĩnh vực khác nhằm gia tăng giá trị công ty, gia tăng lợi nhuận và cổ tức cổ đông phát huy thế mạnh truyền thống văn hoá doanh nghiệp nâng cao thương hiệu công ty.

Xây dựng thành công ty đa ngành trong đó có các lĩnh vực phát điện, phân phối điện, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác.

Phát triển thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện.

Xây dựng công ty có tiềm lực tài chính mạnh, kinh doanh có hiệu quả; Bảo toàn và phát triển vốn cổ đông.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xây dựng và phát triển CTCP thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát triển bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.

Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ...; Song song với việc sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, ...



5. CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của CTCP thủy điện Hòa Na.

TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ: Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

LẠM PHÁT: Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây đã được Chính phủ kiểm chế, kiểm soát; theo đánh giá chung thì tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện.

RỦI RO VỀ THỜI TIẾT

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP thủy điện Hòa Na. Sản lượng điện và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của các nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường giao thông và các công trình đập của các nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1KWh thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập, nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.



RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số Luật như: luật Doanh nghiệp, luật Điện lực, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh để thích nghi.

Công ty đang tham gia vào thị trường điện cạnh tranh, việc thay đổi cơ chế trong thị trường điện sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch, ... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...



II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	685,28	1.050,68	153%
	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tr.kWh	625,28	966,28	155%
	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kWh	60,00	84,40	141%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,70	1.172,95	142%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,62	671,65	106%
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	195,08	501,31	257%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	185,33	475,81	257%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,45	222,41	112%
7	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23	235,23	100%

Năm 2025 là năm có hiện tượng thủy văn đặc biệt bất thường, mưa bão nhiều trên diện rộng và trải dài trên khắp cả nước. Thủy văn trên lưu vực nhà máy thủy điện Hủa Na, Nậm Nơn cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các đợt bão (bão số 3-Wipha, 5-Kajiki, 10-Bualô) và hoàn lưu sau bão gây mưa lớn trên thượng nguồn lưu vực và lưu vực hồ. Ban lãnh đạo Công ty đã luôn bám sát diễn biến tình hình thủy văn, cập nhật thông tin dự báo thời tiết thường xuyên, nên trước mùa mưa bão đã chỉ đạo tổ chức huy động toàn bộ lực lượng thực hiện các phương án và giải pháp ứng phó khi có thiên tai; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và

các cơ quan chức năng ứng phó kịp thời. Kết quả trong và sau các đợt bão lũ đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản, hai nhà máy hoạt động phát điện liên tục và ổn định. Tổng sản lượng điện thương mại đạt **1.050,68/685,28 triệu kWh, vượt 53%** so với kế hoạch; tổng doanh thu đạt **1.172,95/828,70 tỷ đồng, vượt 42%** so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt **501,31/195,08 tỷ đồng, đạt 257%** so với kế hoạch; Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước **222,41/199,45 tỷ đồng, vượt 12%** so với kế hoạch năm.

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VẬN HÀNH, SỬA CHỮA BẢO DƯỠNG, BẢO TRÌ

Công tác quản lý vận hành: Nhà máy thủy điện Hủa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Năm 2025, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (đại tu) Nhà máy thủy điện Hủa Na, Đại tu tổ máy H2 Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và an toàn trong quá trình thực hiện. Sau kỳ bảo dưỡng nhà máy hoạt động hiệu quả.

Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo quy định đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

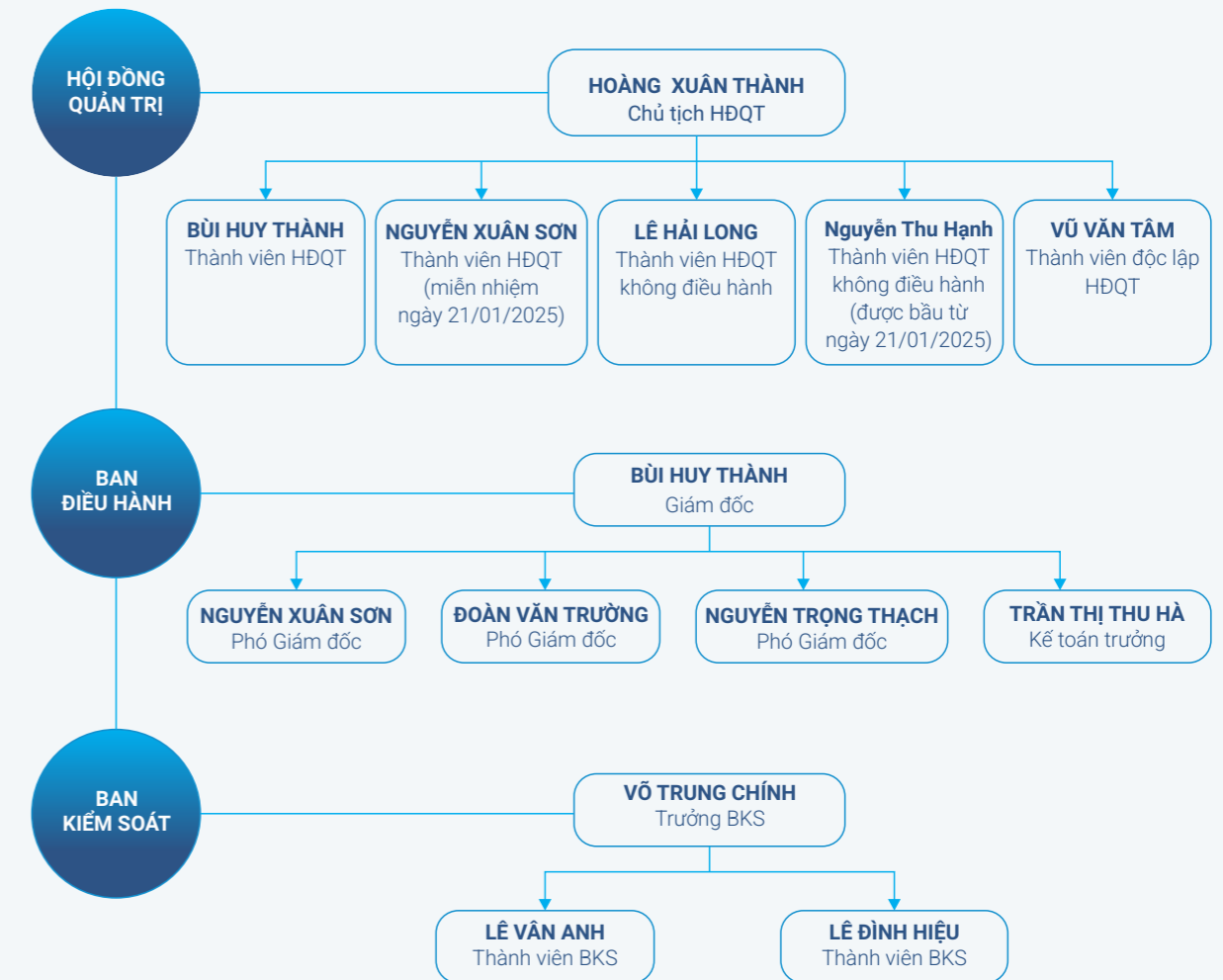
Đến ngày 31/12/2025, dư nợ tại các tổ chức tín dụng của Công ty là 401,38 tỷ đồng.

của các hợp đồng tín dụng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và chi trả cổ tức cho các cổ đông với tỷ lệ 10%, tương đương với số tiền là 235.232.210.000 đồng.

Trong năm 2025, Công ty thu xếp đủ dòng tiền để thực hiện trả nợ gốc, lãi vay cho các ngân hàng theo quy định

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT



TÓM TẮT LÝ LỊCH

**HOÀNG XUÂN THÀNH**

Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 09/1990 - 08/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ Tĩnh
- 09/1991 - 04/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh
- 05/1993 - 05/2007: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, phó chánh Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An.
- 05/2007 - 12/2014: Kế toán trưởng - CTCP thủy điện Hủa Na
- 01/2015 - 04/2018: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc CTCP thủy điện Hủa Na
- 04/2018 - hiện nay: Chủ tịch HĐQT - CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 234.000 cổ phần chiếm 0,099% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện 85.922.760 cổ phần chiếm 36,527% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

**BÙI HUY THÀNH**

Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Ngày sinh: 30/04/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Thủy điện – Thủy Lợi

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 08/2006 - 07/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
- 07/2007 - 07/2009: Cán bộ kỹ thuật - CTCP thủy điện Hủa Na
- 07/2009 - 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - CTCP thủy điện Hủa Na
- 11/2011 - 06/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật - CTCP thủy điện Hủa Na
- 06/2013 - 04/2018: Thành viên BKS - CTCP thủy điện Hủa Na
- 08/2018 - 01/01/2023: Phó giám đốc - CTCP thủy điện Hủa Na
- Từ 01/01/2023 - hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP thủy điện Hủa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần chiếm 0,012% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP).

**LÊ HẢI LONG**

Thành viên HĐQT không điều hành

- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Kỹ sư xây dựng.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 01/1996 - 08/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay.
- 08/2001 - 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte.
- 11/2007 - 07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
- 07/2008 - 06/2012: Chuyên viên ban Tài chính kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 06/2012 - hiện nay: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- 06/2012 - 06/2013: Thành viên BKS - CTCP thủy điện Hủa Na.
- 06/2013 - 04/2018: Trưởng BKS - CTCP thủy điện Hủa Na.
- 04/2018 - hiện nay: Thành viên HĐQT - CTCP thủy điện Hủa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

**NGUYỄN THU HẠNH**

Thành viên HĐQT không điều hành.

- Ngày sinh: 31/01/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 2000 - 2001: Nhân viên Hành chính, Dự án Giáo dục Đại học, Bộ Giáo dục đào tạo.
- 05/2001 - 2006: Nhân viên phòng Thị trường, Dự án Nhà máy Thép Việt Ý, Công ty CP Sông Đà 12, Tổng công ty Xây dựng Sông Đà.
- 01/2006 - 09/2007: Trưởng phòng HCNS, Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hoa Kỳ (100% vốn NN), Tập đoàn Goldcoin (Mỹ)
- 09/2007 - 07/2011: Phó phòng, Trưởng phòng TCNS, Công ty CP Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí Việt Nam, Tổng CTCP Tài chính Dầu khí.
- 07/2011 - 10/2011: Cán bộ Tổ Đối mới doanh nghiệp thuộc Ban chỉ đạo chuyển đổi mô hình PVFC Tổng Công ty CP Tài chính Dầu khí.
- 10/2011 - nay: Phó Trưởng ban Tổ chức Nhân sự, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP.
- 01/2025 - nay: Thành viên HĐQT - CTCP thủy điện Hủa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tổ chức Nhân sự - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

**VŨ VĂN TÂM**

Thành viên độc lập HĐQT

- Ngày sinh: 05/07/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 02/2003 - 12/2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 12/2005 - 07/2007: Tổng Giám đốc – CTCP đầu tư An Lạc.
- 12/2005 - 07/2007: Thành viên HĐQT – Công ty CP thủy điện Za Hung.
- 08/2007 - hiện nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc CTCP đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- 08/2020 - hiện nay: Giám đốc CTCP BÔ ĐỀ GA.
- 06/2018 - hiện nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Vật tư Thiết bị - Giao thông.
- 02/2016 - hiện nay: Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.
- 04/2018 - hiện tại: Thành viên độc lập HĐQT CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc CTCP đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- Giám đốc CTCP BÔ ĐỀ GA.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
- Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
- Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,816% vốn điều lệ (đại diện vốn của CTCP Đầu tư tài chính và BĐS Việt).

**NGUYỄN XUÂN SƠN**

Phó Giám đốc

- Ngày sinh: 11/06/1966
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 07/1987 - 06/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 07/1990 - 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 01/1998 - 04/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 05/2004 - 03/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
- 04/2007 - 08/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính CTCP thủy điện Đakđrinh.
- 08/2007 - 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính CTCP thủy điện Hủa Na
- 01/2008 - 04/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - CTCP thủy điện Hủa Na
- 04/2018 - 01/2025: Thành viên HĐQT, CTCP thủy điện Hủa Na.
- 04/2016 - nay: Phó Giám đốc - CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 18 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ.
- Sở hữu đại diện: Không.

**ĐOÀN VĂN TRƯỜNG**

Phó giám đốc

- Ngày sinh: 10/05/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản lý kinh tế.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 10/2003 - 02/2004: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty Quản lý sửa chữa đường bộ Nghệ An.
- 03/2004 - 09/2005: Cán bộ Kỹ thuật, Xí nghiệp cơ giới và xây dựng - Công ty Xây dựng số 6.
- 10/2005 - 12/2007: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty CP thủy điện Quế Phong.
- 01/2008 - 08/2009: Phụ trách phòng Kinh tế - Kế hoạch, CTCP thủy điện Quế Phong.
- 09/2009 - 11/2011: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch, CTCP thủy điện Hủa Na.
- 12/2011 - 04/2012: Phó trưởng phòng Đền bù giải phóng mặt bằng, CTCP thủy điện Hủa Na.
- 05/2012 - 01/2019: Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, CTCP thủy điện Hủa Na.
- 02/2019 - 05/2021: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, CTCP thủy điện Hủa Na.
- 06/2021 - hiện nay: Phó giám đốc CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: 20.200 cổ phần chiếm 0,086% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không

**NGUYỄN TRỌNG THẠCH**

Phó giám đốc

- Ngày sinh: 06/02/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 03/1994 - 11/2004: Tổ trưởng quản lý cao thế chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- 11/2004 - 02/2005: Kỹ thuật viên ATCT Chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- 02/2005 - 12/2009: Đội phó đội xây lắp điện – Điện lực Hà Tĩnh
- 12/2009 - 04/2012: Phó Giám đốc Điện lực Thạch Hà
- 04/2012 - 05/2015: Giám đốc Điện lực Thạch Hà
- 05/2015 - 04/2020: Phó Giám đốc Công ty điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
- 04/2020 - 11/2021: Phó Trưởng Ban ATSKMT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- 11/2021 - hiện nay: Phó giám đốc CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không**Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:**

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không



TRẦN THỊ THU HÀ
Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 23/09/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 08/2006 - 06/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 - Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào.
- 06/2007 - 10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán - CTCP thủy điện Hủa Na
- 10/2017 - 04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán - CTCP thủy điện Hủa Na
- 04/2018 - 12/09/2022: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP thủy điện Hủa Na
- 12/09/2022 - đến nay: Kế toán trưởng - CTCP thủy điện Hủa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 40.025 cổ phần chiếm 0,017% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không.



VÕ TRUNG CHÍNH
Trưởng Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 08/05/1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 02/1995 - 06/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
- 07/2003 - 07/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
- 08/2007 - 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - CTCP Thủy điện Hủa Na
- 01/2015 - 08/09/2022: Kế toán trưởng - CTCP thủy điện Hủa Na
- 12/09/2022 - đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 204.300 cổ phần chiếm 0,087% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không



LÊ ĐÌNH HIỆU
Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 18/03/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 05/2005 - 09/2006: Trưởng bộ phận điều hành vận tải và du lịch - Công ty CP vận tải Đường sắt.
- 09/2006 - 10/2007: Chuyên viên Phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP ACB Hà Nội.
- 08/2008 - 12/2009: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP thủy điện Hủa Na.
- 05/2010 - 04/2013: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí.
- 04/2015 - 05/2017: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Sông Vàng.
- 10/2007 - hiện nay: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- 04/2023 - hiện tại: Kiểm soát viên - CTCP thủy điện Hủa Na.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần chiếm 0,0004% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: Không



LÊ VĂN ANH
Thành viên Ban kiểm soát

- Ngày sinh: 01/01/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế đối ngoại

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- 01/2008 - 11/2016: Chuyên viên phòng Phân tích và Tư vấn Đầu tư, Khối đầu tư, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 11/2016 - 04/2019: Chuyên viên cao cấp Trưởng bộ phận đầu tư tài chính, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 04/2019 - 03/2022: Chuyên gia Phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 02/2022 - đến nay: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- 09/2022 - đến nay: Thành viên Ban kiểm soát - CTCP thủy điện Hủa Na

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Sở hữu đại diện: Không

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH:

Trong năm 2025, trong Ban điều hành Công ty không có thay đổi về nhân sự.

NGUỒN NHÂN LỰC

140 NGƯỜI

Tổng số CBCNV CTCP thủy điện Hòa Na tính đến ngày 31/12/2025

STT	PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CUỐI KỲ	TỶ LỆ
1	Theo giới tính:		
	Nam	119	85%
	Nữ	21	15%
2	Theo hợp đồng lao động:		
	Toàn thời gian	140	100%
	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
	Đại học và trên đại học	87	62,14%
	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	38	27,14%
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	6,43%
	Phổ thông	6	4,29%
4	Theo chức vụ:		
	Quản lý	20	14,29%
	Văn phòng	48	34,29%
	Công nhân	72	51,43%
	TỔNG SỐ	140	

Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại các khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 51,43%.

Nhân sự của Công ty có trình độ từ đại học trở lên chiếm 62,14% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 27,14% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.



3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng một số dự án như Nhà máy thủy điện Nậm Sum 3; dự án thủy điện Thông Thụ; Dự án Điện gió Chư Pong; dự án thủy điện Hủa Na mở rộng; dự án điện mặt trời tại khu vực thủy điện Hủa Na; Công ty hiện sẽ đang tiếp tục tìm kiếm, khảo sát và đánh giá các dự án khác phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty để có chiến lược đầu tư hiệu quả.



CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ NGOÀI VÀ BÁN CHỨNG CHỈ I-REC

Dịch vụ ngoài: Năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng tham gia sửa chữa lớn thiết bị Nhà máy thủy điện Nậm Toóng và ký hợp đồng Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ công tác thí nghiệm Hệ thống điều khiển - bảo vệ - giám sát tổ 1 & các hệ thống đo lường - tín hiệu - điều khiển của hệ thống phụ trợ, tự dùng nhà máy, tổ máy thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng với tổng giá trị khoảng 1,38 tỷ đồng.

Chứng chỉ I-REC: Năm 2025, Công ty đã bán được 260.388 chứng chỉ RECs đối với sản lượng còn lại của năm 2024 và năm 2025 với tổng giá trị là 28.907,66 USD.



4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2024 (VNĐ)	NĂM 2025 (VNĐ)	% TĂNG, GIẢM(+/-)
1	Tổng giá trị tài sản	4.012,14	3.969,43	-
2	Doanh thu thuần	788,95	1.153,63	46,22%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	285,91	501,43	75,38%
4	Lợi nhuận khác	0,46	(0,12)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	286,36	501,31	75,06%
6	Lợi nhuận sau thuế	271,60	475,81	75,19%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	86,61%	49,44%	-

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	NĂM 2025	% THAY ĐỔI
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,71	5,03	194,34%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	1,65	4,92	197,80%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,19	0,13	-
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,14	-
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	22,51	29,68	31,87%
	Vòng quay khoản phải thu	3,27	7,45	127,96%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,21	0,29	37,28%
4	Chỉ tiêu khả năng về sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	34,43%	41,24%	19,81%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	8,37%	13,72%	63,97%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	6,77%	11,99%	77,08%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	36,24%	43,47%	19,94%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ của Công ty
2.352.322.100.000 đồng

Tổng số cổ phần niêm yết
235.232.210 cổ phần

Tổng số cổ phần lưu hành
235.232.210 cổ phần

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng
0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ
0 cổ phần

Số cổ phần chuyển nhượng tự do
235.232.210 cổ phần

Mệnh giá cổ phần:
10.000 đồng/1 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO LOẠI HÌNH SỞ HỮU

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	(TỶ LỆ %)
1	Cổ đông trong nước	235.231.210	99,999%
	- Tổ chức	222.562.787	94,614%
	- Cá nhân	12.668.423	5,385%
2	Cổ đông nước ngoài	1.000	0,001%
	- Tổ chức	1.000	0,001%
	- Cá nhân	0	0%

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông lớn (sở hữu ≥ 5% vốn CP)	189.872.760	80,717%
	- Trong nước	189.872.760	80,717%
	- Nước ngoài	0	0%
3	Các cổ đông khác	45.359.450	19,283%
	- Trong nước	45.358.450	19,282%
	- Nước ngoài	1.000	0,001%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	SỐ CMND/HỘ CHIẾU/ĐKKD	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ/VĐL
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	0102276173	199 Nguyễn Tuân, Thanh Xuân, Hà Nội	189.872.760	80,717%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty (vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na và Nhà máy thủy điện Hòa Na Nậm Nơn) trong năm 2025:

- Dầu bôi trơn được bổ sung cho các ổ tuabin – máy phát và các hệ thống khác khi vận hành trong năm 2025 với số lượng: **3.276 lít**.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không.



TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: **1.300,571 MWh**.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: **101,984 MWh**.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: Không có.



TIÊU THỤ NƯỚC: (MỨC TIÊU THỤ NƯỚC CỦA CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM)

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu, sông Nậm Nơn để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2025 vào khoảng hơn: **4 tỷ m3**.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không. Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu, sông Nậm Nơn để sản xuất điện.



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân năm 2025 là: **140 người**
- Mức lương bình quân năm 2025 là: **30,758 triệu đồng/người/tháng**.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- **Chế độ làm việc:** Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.

- **Chính sách tuyển dụng:** Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
- **Chính sách lương thưởng và phúc lợi:** Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách đào tạo: Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho các Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy điện.

Tình hình thực hiện: Năm 2025, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu chuyên ngành, đào tạo phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ, hội thảo ... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị là **1.415,56 triệu đồng**. Công tác đào tạo và phát triển nhân lực năm 2025 đã bám sát theo kế hoạch được phê duyệt, các lớp học được bố trí thời gian phù hợp để CBCNV tham gia đầy đủ, các khóa đào tạo đạt chất lượng, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong năm 2025, song hành cùng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã thực hiện các vai trò, trách nhiệm với cộng đồng xã hội, nâng cao sự gắn kết với chính quyền sở tại, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đồng thời xây dựng hình ảnh nhân văn trong văn hóa doanh nghiệp thông qua những đóng góp vào công tác an sinh xã hội tại địa phương như: hỗ trợ địa phương tổ chức lễ hội, ngày kỷ niệm truyền thống; giúp đỡ, ủng hộ người nghèo tại địa phương đón Tết; tham gia chương trình thiện nguyện; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa cộng đồng xã; tài trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau bão và các hoạt động khẩn cấp khác với giá trị **2.134,5 triệu đồng**.



III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU.

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN 2025	TỶ LỆ HOÀN THÀNH %
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	685,28	1.050,68	153%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,70	1.172,95	142%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,62	671,65	106%
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	195,08	501,31	257%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	185,33	475,81	257%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,06	222,41	112%
7	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23	235,23	100%

Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

Công tác vận hành, điều tiết hồ chứa thuận lợi do các Nhà máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.

Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc

theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Công tác điều hành quản lý vận hành đều được chấp hành đúng theo các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

NHỮNG TIẾN BỘ, KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện, với kết quả đạt được như sau:

Về thủy văn: Năm 2025 là năm có hiện tượng thủy văn đặc biệt bất thường, mưa bão nhiều trên diện rộng và trải dài trên khắp cả nước. Thủy văn trên lưu vực nhà máy thủy điện Hủa Na, Nậm Non cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các đợt bão (bão số 3-Wipha, 5-Kajiki, 10-Bualoi) và hoàn lưu sau bão gây mưa lớn trên thượng nguồn lưu vực và lưu vực hồ. Ban lãnh đạo Công ty đã luôn bám sát diễn biến tình hình thủy văn, cập nhật thông tin dự báo thời tiết thường xuyên, nên trước mùa mưa bão đã chỉ đạo tổ chức huy động toàn bộ lực lượng thực hiện các phương án và giải pháp ứng phó khi có thiên tai; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng ứng phó kịp thời.

Về sản lượng điện: Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm 1.050,68/685,28 triệu kWh, đạt 153% so với kế hoạch

Về doanh thu: Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên nhà máy đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên tổng doanh thu là 1.172,95/828,70 tỷ đồng, đạt 142% so với kế hoạch.

Về lợi nhuận: Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế là 475,81/185,33 tỷ đồng, đạt 257% so với kế hoạch.

Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số lao động bình quân năm 2025 là: 140 người
- Mức lương bình quân năm 2025 là: 30,758 triệu đồng/người/tháng.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2025	31/12/2024	% 2025/2024
1	Tài sản ngắn hạn	881,30	624,85	141,04%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	322,09	416,93	77,25%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	360,00	00,00	
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	177,63	131,90	134,66%
-	Hàng tồn kho	19,40	20,86	92,96%
-	Tài sản ngắn hạn khác	02,19	55,15	3,97%
2	Tài sản dài hạn	3.088,13	3.387,29	91,17%
-	Tài sản cố định	3.020,26	3.324,89	90,84%
-	Tài sản dở dang dài hạn	63,10	56,56	111,57%
-	Tài sản dài hạn khác	04,77	05,85	81,49%
	Tổng tài sản (1+2)	3.969,43	4.012,14	98,94%
3	Nợ phải trả	502,60	767,29	65,50%
-	Nợ ngắn hạn	175,12	365,45	47,92%
-	Nợ dài hạn	327,48	401,84	81,49%

TÀI SẢN

Tính đến 31/12/2025 tổng tài sản của Công ty là hơn 3.969 tỷ đồng, giảm so với năm 2024. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 41,04%, tài sản dài hạn giảm 8,83%. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn 77,40%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn cho Công ty.



NỢ PHẢI TRẢ

Đến thời điểm 31/12/2025, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 502 tỷ đồng, giảm so với năm 2024, chủ yếu là nợ liên quan tới mua nhà máy Thủy điện Nậm Non, cụ thể là: dư nợ dài hạn NH TMCP Ngoại thương Việt Nam 367,92 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn và chậm thanh toán.



3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa doanh nghiệp, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và bổ sung những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.

Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng công tác chuyển đổi số để hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của CTCP thủy điện Hòa Na với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾ HOẠCH SXKD 2026
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	721,8
-	Nhà máy thủy điện Hòa Na	Tr.kw.h	659,8
-	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kw.h	62,0
2	Các chỉ tiêu tài chính		
2.1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,3
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	895,9
-	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	879,3
+	Nhà máy thủy điện Hòa Na	Tỷ đồng	796,5
+	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tỷ đồng	82,8
-	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	16,6
2.3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	667,2
2.4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	228,65
2.5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	22,9
2.6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	205,8
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	8,75
3	Đào tạo	Tỷ đồng	1,95
4	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	924,5
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,3
6	Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB	Tỷ đồng	91,6
7	Lao động	Người	143,0
8	Quỹ tiền lương, thưởng vận hành	Tỷ đồng	64,8
9	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ.ng/tháng	171,02

CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH CẦN THỰC HIỆN:

Công tác quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa:

- Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đảm bảo luôn khả dụng, vận hành ổn định và an toàn. Đáp ứng yêu cầu huy động nguồn của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) và Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.
- Thực hiện công tác tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Hòa Na năm 2026, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và an toàn phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua; tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên nhà máy thủy điện Hòa Na, thủy điện Nậm Nơn.

Công tác tài chính:

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện công tác đàm phán, làm việc với NSMO/NSO và EPTC để thu hồi tiền bán điện kịp thời.

Công tác đầu tư phát triển:

Tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trong giai đoạn nghiên cứu cơ hội đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng tái tạo trong và ngoài nước phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng nhằm mở rộng quy mô, phát triển Công ty bền vững. Chỉ đầu tư khi dự án được đánh giá khả thi, có hiệu quả tài chính.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội.
- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh xã hội như: Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cho người nghèo, trường học tại vùng sâu, vùng xa, ...
- Tích cực trong công tác bảo vệ môi trường và tham gia các sự kiện về môi trường như: giờ trái đất, ngày môi trường thế giới, ...



GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Thực hiện tốt các điều kiện vận hành các nhà máy:

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn để có kế hoạch chào giá trong thị trường điện và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.
- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2026 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

Tăng cường phát triển nguồn nhân lực:

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các hội thảo, chuyên đề nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất để đảm bảo vận hành các nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa và sự cố; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty và Công ty.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

Tăng cường công tác quản lý tài chính

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.
- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả; công tác quản lý công tác đầu tư, mua sắm. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Tăng cường công tác quản trị

- Tiếp tục thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp.
- Nâng cao quản trị tài chính và giám sát nội bộ; quản lý dòng tiền, mua sắm, tồn kho và các khoản phải thu, bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tối ưu cơ cấu tổ chức và nâng cao năng suất lao động
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị, điều hành doanh nghiệp và công tác quản lý vận hành các Nhà máy.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

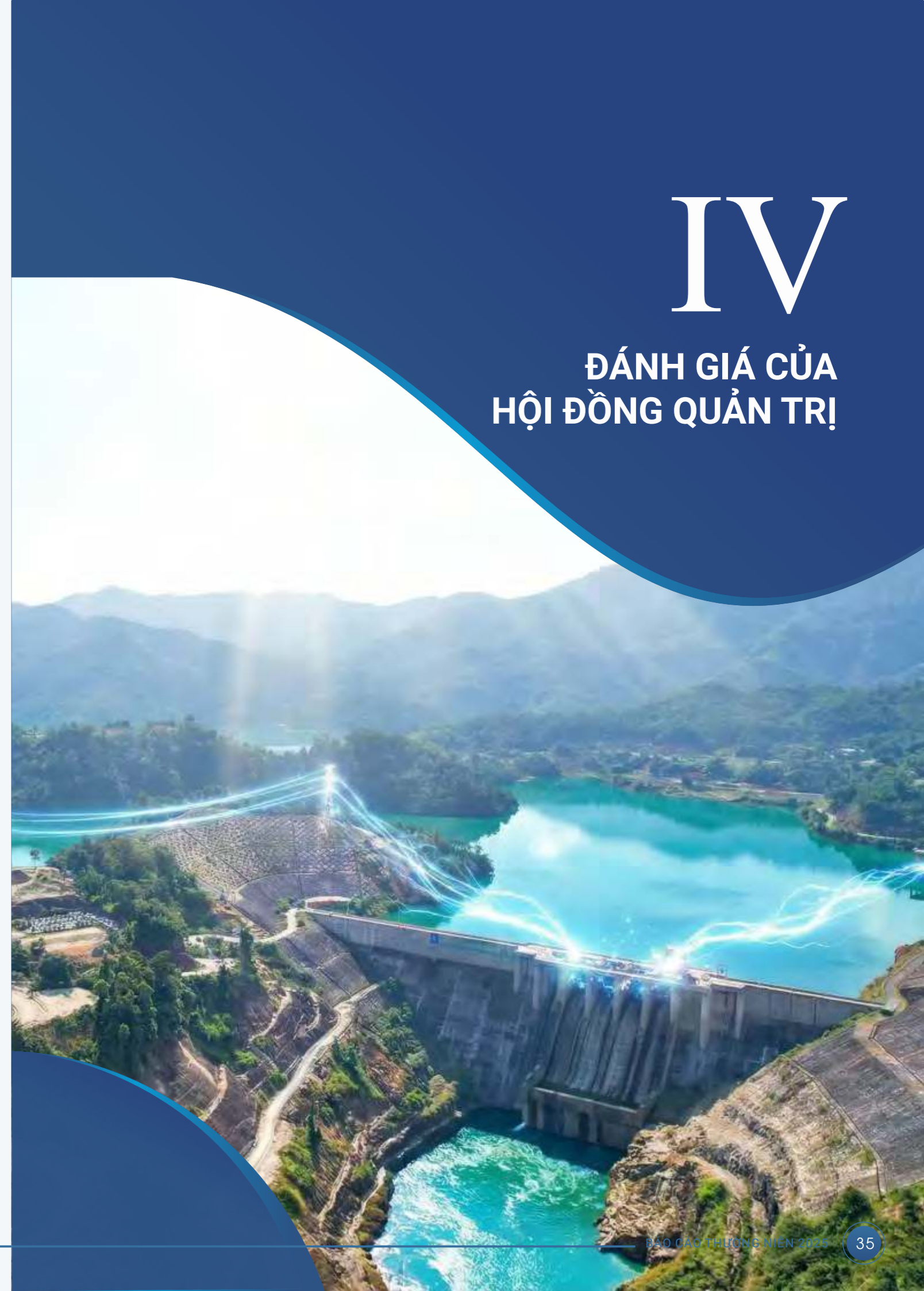
Ý kiến của kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2025 là ý kiến chấp thuận toàn phần, vì vậy, Ban Giám đốc không có giải trình đối với ý kiến kiểm toán.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Công ty luôn tuân thủ pháp luật về môi trường.
- Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành.
- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương.

IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2025, với chiến lược chào giá hợp lý, chạy máy vào các thời điểm có giá thị trường cao đối với Nhà máy thủy điện Hòa Na; thực hiện tốt công tác quản lý vận hành, các phương án, biện pháp để tăng hiệu suất các tổ máy Nhà máy thủy điện Nậm Nơn. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được duyệt, cụ thể: Sản lượng điện là **1.050,68/685,28 triệu kWh, đạt 153%** so với kế hoạch; Tổng doanh thu là **1.172,95/828,70 tỷ đồng, đạt 142%** so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế là **475,81/185,33 tỷ đồng, đạt 257%** so với kế hoạch.

Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt và chủ động theo quy định nên giảm thiểu tối đa thiệt hại do bão lũ gây ra.

Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì các nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.

Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.

Công tác đầu tư, mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

Công ty đã thực hiện tốt công tác phát triển các dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC.

Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo,...



2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau: Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc; Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trong năm 2025, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt

động đầu tư của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính và kết quả đầu tư đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, tăng thu nhập cho người lao động.



3. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Trên cơ sở nhận định về tình hình thủy văn và các điều kiện sản xuất kinh doanh khác của năm 2026, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phấn đấu đạt 721,8 triệu kWh, tổng doanh thu 895,9 tỷ đồng, tổng chi phí 667,2 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 228,65 tỷ đồng. Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu như sau:

Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định Nhà máy thủy điện Hòa Na và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn.

Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa thủy điện Hòa Na để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất trong thị trường điện cạnh tranh.

Chủ động vận hành linh hoạt các tổ máy Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, khai thác tối đa công suất trong các giờ cao điểm.

Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Triển khai đồn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2026 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn các công trình và tính mạng con người.





QUẢN TRỊ CÔNG TY



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH TRONG HĐQT	SỐ CỔ PHẦN		TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN	CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH SỞ HỮU	CHỨC DANH TẠI CÔNG TY KHÁC
			SỞ HỮU CÁ NHÂN	ĐẠI DIỆN PHÁP NHÂN			
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	234.000	85.922.760	36,626%	Không	Không
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	30.000	34.650.000	14,742%	Không	Không
3	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT không điều hành	0	34.650.000	14,730%	Không	Phó Ban TC-KT PV Power
4	Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT không điều hành	0	34.650.000	14,730%	Không	Phó Ban TCNS PVPower
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	0	1.920.000	0,816%	Không	(*)

(*) Chức danh tại Công ty khác của Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên độc lập HĐQT:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc CTCP đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
- Giám đốc CTCP BỐ ĐỀ GA.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
- Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT và được giao chức năng, nhiệm vụ là bộ phận tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị CTCP thủy điện Hủa Na đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA DỰ HỌP

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ TV HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/04/2018; 21/04/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4/4	100%
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 01/01/2023	4/4	100%
3	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	19/04/2018; 21/04/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4/4	100%
4	Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 21/01/2025	4/4	100%
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên độc lập HĐQT	19/04/2018; 21/04/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4/4	100%

DANH SÁCH CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TẠI CÁC CUỘC HỌP

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-2025/NQ-HHC- HĐQT	13/03/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý I năm 2025 của Hội đồng quản trị CTCP thủy điện Hủa Na
2	02-2025/NQ-HHC- HĐQT	20/06/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý II năm 2025 của Hội đồng quản trị CTCP thủy điện Hủa Na
3	03-2025/NQ-HHC- HĐQT	10/10/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý III năm 2025 của Hội đồng quản trị CTCP thủy điện Hủa Na
4	04-2025/NQ-HHC- HĐQT	18/12/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý IV năm 2025 của Hội đồng quản trị CTCP thủy điện Hủa Na

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2025, thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục, khách quan.



CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ VỀ ĐÀO TẠO QUẢN TRỊ CÔNG TY:

5/5 thành viên

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH TRONG BKS	TỶ LỆ NẪM GIỮ CP CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT	CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC DO CÔNG TY PHÁT HÀNH SỞ HỮU
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	0,087%	Không
2	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	0,0004%	Không
3	Lê Văn Anh	Thành viên BKS	0%	Không

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư cũng như việc điều hành và quản trị công ty.

Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại Công ty.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2025 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.

Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

LƯƠNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT CHUYÊN TRÁCH, GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ:				
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ THÁNG	TỔNG THU NHẬP TRONG NĂM (Đồng)
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	12	1.383.346.332
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	12	1.348.988.627
3	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc	12	1.282.471.791
4	Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	12	1.297.840.333
5	Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	12	1.284.520.664
6	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	12	1.216.667.038
7	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	12	1.218.609.637

THÙ LAO THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT:				
STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ THÁNG	THÙ LAO TRONG NĂM
1	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	12	158.000.000
2	Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	11	124.000.000
3	Vũ Văn Tâm	Thành viên độc lập HĐQT	12	158.000.000
4	Lê Văn Anh	Thành viên BKS	12	125.000.000
5	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	12	125.000.000



GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY.

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯƠNG ...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ	
1	Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc	7.150	0,003%	18	0 %	bán
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên bộ phận kiểm toán nội bộ	400.000	0,17%	386.000	0,16%	bán
3	Võ Đăng Giáp	Anh ruột Võ Trung Chính - TBKS	251.800	0,107%	0	0%	bán

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TỚI NGƯỜI NỘI BỘ

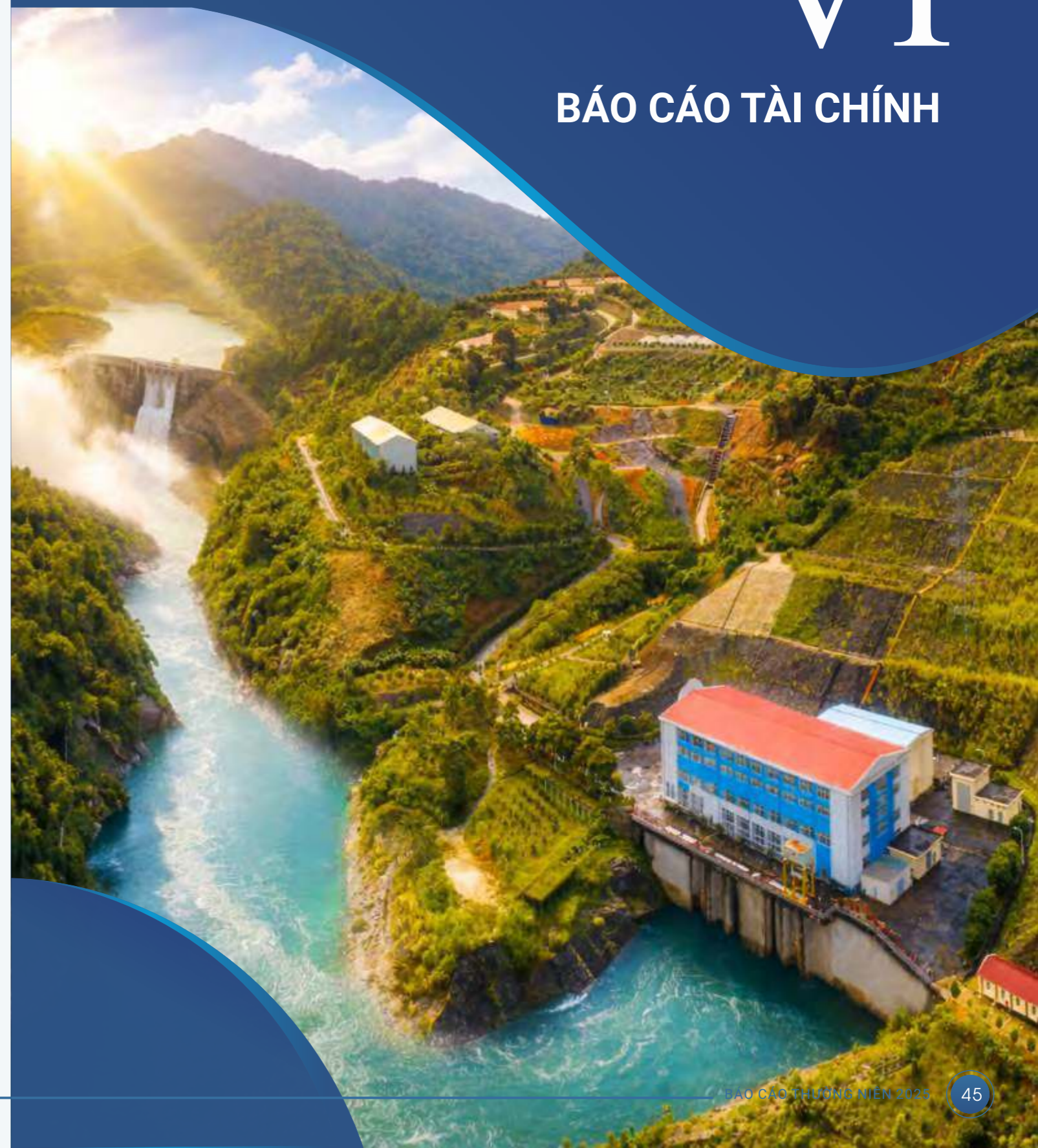
STT	BÊN LIÊN QUAN	LOẠI GIAO DỊCH	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (ĐỒNG)	NĂM THỰC HIỆN	MỐI QUAN HỆ
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power)	Phí bảo lãnh	27.272.727	2025	PV Power là công ty mẹ của HNA, đồng thời là bên liên quan của người nội bộ
		Chia cổ tức	189.872.760.000		
2	Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Phí nhãn hiệu	2.986.401.444	2025	Người nội bộ của Cổ đông lớn (PV Power)

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tuân thủ Quy chế quản trị Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Nghệ An, tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/01/2025)
Ông Lê Hải Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/01/2025)
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Giám đốc

Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Số: 53 /2026/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/03/2026, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 32 - Số liệu so sánh trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán ngày 12/05/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Đoàn Ngọc Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 6191-2023-055-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		881.300.843.451	624.846.648.003
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	322.092.548.755	416.932.431.896
1. Tiền	111		57.092.548.755	136.932.431.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	280.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		360.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	360.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		177.625.079.723	131.901.447.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	170.409.742.858	126.868.777.106
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.336.235.623	4.012.072.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.879.101.242	1.020.598.717
IV. Hàng tồn kho	140	10	19.395.390.227	20.863.838.125
1. Hàng tồn kho	141		19.395.390.227	20.863.838.125
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.187.824.746	55.148.930.039
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.304.248.920	8.293.708.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		883.575.826	46.855.221.116
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.088.130.306.540	3.387.292.464.364
I. Tài sản cố định	220		3.020.263.459.442	3.324.886.412.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.020.263.459.442	3.324.886.412.427
- Nguyên giá	222		6.564.008.607.750	6.540.789.975.953
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.543.745.148.308)	(3.215.903.563.526)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		63.100.393.566	56.556.578.932
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	63.100.393.566	56.556.578.932
III. Tài sản dài hạn khác	260		4.766.453.532	5.849.473.005
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	902.908.794	1.146.116.162
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	3.863.544.738	4.703.356.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.969.431.149.991	4.012.139.112.367

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		502.598.636.497	767.292.194.485
I. Nợ ngắn hạn	310		175.118.446.941	365.447.555.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.881.696.094	197.866.212.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.650.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	14.983.940.818	13.865.031.264
3. Phải trả người lao động	314		25.455.744.903	17.343.706.413
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.602.081.212	6.087.692.292
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	23.314.274.052	9.084.726.303
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	74.343.648.747	97.851.723.064
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.469.411.115	23.348.462.946
II. Nợ dài hạn	330		327.480.189.556	401.844.639.338
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	440.189.556	460.990.591
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	327.040.000.000	401.383.648.747
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.466.832.513.494	3.244.846.917.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	3.466.832.513.494	3.244.846.917.882
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		121.179.386.876	94.204.113.656
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		928.345.241.879	733.334.919.487
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		452.531.834.267	461.736.894.282
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		475.813.407.612	271.598.025.205
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.969.431.149.991	4.012.139.112.367

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.153.630.423.745	788.945.850.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.153.630.423.745	788.945.850.435
4. Giá vốn hàng bán	11	22	597.423.242.820	464.607.583.085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		556.207.180.925	324.338.267.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	19.052.435.512	11.132.575.886
7. Chi phí tài chính	22	24	28.024.973.808	11.574.664.692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.980.608.103	9.892.403.392
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	45.807.696.391	37.991.113.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		501.426.946.238	285.905.065.481
11. Thu nhập khác	31		270.274.535	490.795.823
12. Chi phí khác	32		390.505.492	34.262.540
13. Lợi nhuận khác	40		(120.230.957)	456.533.283
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		501.306.715.281	286.361.598.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	25.493.307.669	14.763.573.559
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		475.813.407.612	271.598.025.205
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.023	1.076

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	501.306.715.281	286.361.598.764
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	327.350.848.262	292.354.703.690
- Các khoản dự phòng	03	-	(123.163.779)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.976.036	(62.801.239)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.352.234.311)	(11.185.210.461)
- Chi phí lãi vay	06	27.980.608.103	9.892.403.392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	839.302.913.371	577.237.530.367
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.263.780.631	173.807.514.255
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.308.260.003	373.369.443
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.003.673.495)	23.798.424.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.232.667.371	(8.950.438.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.517.790.950)	(11.714.354.065)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.813.654.643)	(13.677.474.545)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.543.076.375)	(7.263.549.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	768.229.425.913	733.611.021.542
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(184.124.010.394)	(506.669.068.166)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	175.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(495.000.000.000)	(90.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	135.000.000.000	90.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.336.467.190	10.568.880.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(530.787.543.204)	(495.925.006.335)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.188.522.922	513.784.560.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(106.040.245.986)	(193.575.644.002)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(234.413.066.750)	(233.690.051.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(332.264.789.814)	86.518.864.148
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(94.822.907.105)	324.204.879.355
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	416.932.431.896	92.664.874.209
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(16.976.036)	62.678.332
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	322.092.548.755	416.932.431.896

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 140 người (tại ngày 31/12/2024 là 140 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện, vận hành Nhà máy điện;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Hoạt động mua bán điện; hoạt động quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp từ 35kV trở lên;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện, thiết bị cơ điện, đường dây và trạm biến áp;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, Tư vấn hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính. Chi tiết: Cho thuê công nghệ năng lượng xanh I-REC.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na và Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu sổ kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa

tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với khung khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khác phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các

khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hòa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong năm được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực miền Bắc. Doanh

thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty điện lực miền Bắc.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	184.382.932	285.106.136
Tiền gửi ngân hàng	56.908.165.823	136.647.325.760
Các khoản tương đương tiền (*)	265.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	322.092.548.755	416.932.431.896

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 03 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc 06 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	162.314.578.057	121.306.490.799
Tổng công ty Điện lực miền Bắc	8.095.164.801	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	-	5.268.973.675
Các khách hàng khác	-	293.312.632
Cộng	170.409.742.858	126.868.777.106

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm	346.365.893	1.570.669.438
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	205.821.483	305.100.205
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Các nhà cung cấp khác	1.460.746.347	1.813.000.577
Cộng	2.336.235.623	4.012.072.120

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu	4.554.547.944	-	538.780.823	-
Tạm ứng	124.578.160	-	283.627.198	-
Ký quỹ ngắn hạn	71.332.000	-	34.332.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	128.643.138	-	163.858.696	-
Cộng	4.879.101.242	-	1.020.598.717	-

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	19.395.390.227	-	20.863.838.125	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.076.280.235	-	20.546.928.934	-
Công cụ, dụng cụ	71.147.992	-	316.909.191	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.962.000	-	-	-
Dài hạn	3.863.544.738	-	4.703.356.843	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	3.863.544.738	-	4.703.356.843	-
Cộng	23.258.934.965	-	25.567.194.968	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	1.304.248.920	8.293.708.923
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	127.826.534	7.654.203.398
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	226.200.000	210.330.000
Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành	28.638.649	34.293.092
Công cụ, dụng cụ	118.233.564	241.634.167
Chi phí khác	803.350.173	153.248.266
Dài hạn	902.908.794	1.146.116.162
Chi phí kiểm định	902.908.794	1.146.116.162
Cộng	2.207.157.714	9.439.825.085

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na	57.763.327.304	54.008.334.976
Mua sắm tài sản cố định	-	907.272.727
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.235.214.409	-
Chi phí xây dựng khác	101.851.853	1.640.971.229
Cộng	63.100.393.566	56.556.578.932

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	4.987.948.437.041	1.536.147.532.378	9.515.807.000	6.914.599.534	263.600.000	6.540.789.975.953
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.142.403.292	-	-	-	-	14.142.403.292
Điều chỉnh theo giá trị quyết toán	1.096.983.011	-	-	-	-	1.096.983.011
Mua trong năm	-	3.435.443.727	3.529.744.855	963.130.986	50.925.926	7.979.245.494
Tại ngày 31/12/2025	5.003.187.823.344	1.539.582.976.105	13.045.551.855	7.877.730.520	314.525.926	6.564.008.607.750
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	2.166.264.543.573	1.037.928.703.199	5.489.852.317	6.178.373.300	42.091.137	3.215.903.563.526
Khấu hao trong năm	204.105.465.377	122.466.640.272	919.186.763	294.799.730	55.492.640	327.841.584.782
Tại ngày 31/12/2025	2.370.370.008.950	1.160.395.343.471	6.409.039.080	6.473.173.030	97.583.777	3.543.745.148.308
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	2.821.683.893.468	498.218.829.179	4.025.954.683	736.226.234	221.508.863	3.324.886.412.427
Tại ngày 31/12/2025	2.632.817.814.394	379.187.632.634	6.636.512.775	1.404.557.490	216.942.149	3.020.263.459.442
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	26.413.657.639	3.266.951.067	2.637.805.455	5.818.302.765	-	38.136.716.926

Như đã trình bày ở thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hòa Na và Nhà máy Thủy điện Nậm Non để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	30.000.000	30.000.000	52.218.299	52.218.299
Phải trả người bán khác				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	-	-	181.200.000.000	181.200.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	970.472.923	970.472.923	867.435.869	867.435.869
Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên	1.222.932.283	1.222.932.283	1.722.932.283	1.722.932.283
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm	2.260.021.042	2.260.021.042	44.225.321	44.225.321
Công ty Cổ phần Quốc tế Sông Lam	1.674.998.208	1.674.998.208	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.723.271.638	10.723.271.638	13.979.401.093	13.979.401.093
Cộng	16.881.696.094	16.881.696.094	197.866.212.865	197.866.212.865

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	36.395.898.143	36.395.898.143	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.698.394.887	25.493.307.669	25.813.654.643	5.378.047.913
Thuế thu nhập cá nhân	1.311.560.477	4.975.557.707	5.441.950.775	845.167.409
Thuế tài nguyên nước	-	110.291.669.929	110.291.669.929	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	6.855.075.900	35.798.609.124	33.892.959.528	8.760.725.496
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	10.571.807.900	10.571.807.900	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	13.865.031.264	223.529.850.472	222.410.940.918	14.983.940.818

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	8.188.522.922	8.188.522.922	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	8.188.522.922	8.188.522.922	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	97.851.723.064	97.851.723.064	74.343.648.747	97.851.723.064	74.343.648.747	74.343.648.747
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	16.971.723.064	16.971.723.064	8.479.088.747	16.971.723.064	8.479.088.747	8.479.088.747
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	40.000.000.000	40.000.000.000	24.984.560.000	40.000.000.000	24.984.560.000	24.984.560.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000
Vay dài hạn	401.383.648.747	401.383.648.747	-	74.343.648.747	327.040.000.000	327.040.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	8.479.088.747	8.479.088.747	-	8.479.088.747	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	24.984.560.000	24.984.560.000	-	24.984.560.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	367.920.000.000	367.920.000.000	-	40.880.000.000	327.040.000.000	327.040.000.000
Cộng	499.235.371.811	499.235.371.811	82.532.171.669	180.383.894.733	401.383.648.747	401.383.648.747

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Thông tin các hợp đồng vay của Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:**

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại 31/12/2025	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMD202113392590/ HDTD ngày 25/05/2021	100	Thanh toán các khoản chi phí thi công, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na	60 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên	7,275%	Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (bên liên quan) và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	01/2024/2219756/HĐ TD ngày 25/03/2024	104,98	Trả nợ trước hạn các khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay Dự án tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội: - Khoản vay 1: HĐTD số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 31/12/2024 - Khoản vay 2: HĐTD số 182/16/TD-TT/II ngày 21/1/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 30/01/2026	6,075%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	01/2024/CVDA/VCBH N-THUYDIENHUANA ngày 05/12/2024	489,62	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý hợp lệ liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên	6%	- Thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng và tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền phát sinh từ Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện, quyền khai thác vận hành nhà máy, quyền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng, quyền thụ hưởng các khoản bồi thường có thể nhận được từ bên thứ 3
-----	---	---	--------	--	--	----	--

Chi tiết lịch trả nợ của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	74.343.648.747	97.851.723.064
Trên 1 năm đến 5 năm	163.520.000.000	196.983.648.747
Trên 5 năm	163.520.000.000	204.400.000.000
Cộng	<u>401.383.648.747</u>	<u>499.235.371.811</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Lãi vay dự trả	1.295.366.183	1.832.549.030
Chi phí phải trả nhà thầu	1.058.963.062	1.058.963.062
Chi phí nhãn hiệu phải trả	-	2.492.109.462
Chi phí phải trả khác	247.751.967	704.070.738
Cộng	<u>2.602.081.212</u>	<u>6.087.692.292</u>

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	23.314.274.052	9.084.726.303
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*)	15.246.655.692	5.324.463.676
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	178.013.756	70.021.385
Cổ tức phải trả	3.729.244.075	2.910.100.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.160.360.529	780.140.417
Dài hạn	440.189.556	460.990.591
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	440.189.556	460.990.591
Cộng	<u>23.754.463.608</u>	<u>9.545.716.894</u>

(*) Phản ánh số dư phải trả Thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	2.352.322.103.444	64.985.781.295	70.551.901.463	739.054.558.475	3.226.914.344.677
Lãi trong năm	-	-	-	271.598.025.205	271.598.025.205
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	23.652.212.193	(23.652.212.193)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.681.400.000)	(17.681.400.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý	-	-	-	(751.842.000)	(751.842.000)
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	(235.232.210.000)	(235.232.210.000)
Tại ngày 01/01/2025	2.352.322.103.444	64.985.781.295	94.204.113.656	733.334.919.487	3.244.846.917.882
Lãi trong năm	-	-	-	475.813.407.612	475.813.407.612
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	26.975.273.220	(26.975.273.220)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(17.843.760.000)	(17.843.760.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý (*)	-	-	-	(751.842.000)	(751.842.000)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(235.232.210.000)	(235.232.210.000)
Tại ngày 31/12/2025	2.352.322.103.444	64.985.781.295	121.179.386.876	928.345.241.879	3.466.832.513.494

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.352.322.100.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

20. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	172.790,78	125.746,16

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	988.969.784.178	689.073.349.942
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	163.193.317.352	96.764.762.522
Doanh thu khác	1.467.322.215	3.107.737.971
Cộng	1.153.630.423.745	788.945.850.435

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn sản xuất điện	433.549.037.500	366.399.320.956
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	163.193.317.352	96.764.762.522
Giá vốn khác	680.887.968	1.443.499.607
Cộng	597.423.242.820	464.607.583.085

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.352.234.311	11.010.028.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	138.201.201	122.547.244
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.562.000.000	-
Cộng	19.052.435.512	11.132.575.886

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.980.608.103	9.892.403.392
Phí trả nợ trước hạn	-	1.574.768.400
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	27.272.727	47.471.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.092.978	60.021.719
Cộng	28.024.973.808	11.574.664.692

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.821.872.272	23.602.432.985
Chi phí vật liệu quản lý	1.132.985.119	572.359.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.640.672	1.503.864.684
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	13.275.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.779.632.748	4.066.042.925
Chi phí khác	11.512.565.580	8.233.137.523
Cộng	45.807.696.391	37.991.113.063

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.843.779.261	11.126.522.563
Chi phí nhân viên	74.624.119.894	56.579.371.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.350.848.262	292.354.703.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.077.789.191	29.185.505.259
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	163.193.317.352	96.764.762.522
Chi phí khác	19.389.047.251	16.587.830.638
Cộng	643.478.901.211	502.598.696.148

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	501.306.715.281	286.361.598.764
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.352.811.762	3.917.157.320
Thu nhập chịu thuế	506.659.527.043	290.278.756.084
<i>Trong đó, chi tiết theo hoạt động</i>		
Hoạt động kinh doanh thông thường được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	505.602.818.261	288.614.517.720
- Thuế suất	10%	10%
- Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	50.560.281.826	28.861.451.772
- Thuế TNDN được giảm	25.280.140.913	14.430.725.886
- Thuế TNDN phải nộp (a)	25.280.140.913	14.430.725.886
Hoạt động kinh doanh khác		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động khác không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.708.782	1.664.238.364
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (b)	211.341.756	332.847.673
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước (c)	1.825.000	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a)+(b)+(c)	25.493.307.669	14.763.573.559

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (nay là xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An) thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Năm 2024, Công ty đầu tư mua lại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn là dự án đầu tư mới tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay là xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An) thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2018). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Công ty được nhận chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi về thuế TNDN trong thời gian còn lại.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	475.813.407.612	271.598.025.205
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(18.595.602.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	475.813.407.612	253.002.423.205
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.023	1.076

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (nay là xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An) để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

Năm 2024, sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn, Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 165/HĐ-TĐ ngày 28/10/2024 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 66.776 m² đất tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay là xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An) để tiếp tục quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 02/08/2061. Theo Quyết định số 890/QĐ-CT ngày 21/5/2013 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An (chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn) được miễn tiền thuê đất đối với khu đất trên đến hết tháng 12/2027. Theo đó, Công ty được chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất.

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	27.272.727	47.471.181
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.986.401.444	2.492.109.462
Chia cổ tức		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	189.872.760.000	189.872.760.000

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	1.383.346.332	1.229.564.839
Ông Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	158.000.000	123.611.111
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	158.000.000	123.611.111
Bà Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/01/2025)	124.000.000	-
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.348.988.627	1.177.344.984
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/01/2025), Phó Giám đốc	1.282.471.791	1.125.287.203
Ông Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	1.297.840.333	1.081.065.104
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	1.284.520.664	1.124.822.198
Cộng		7.037.167.747	5.985.306.550

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong năm là:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Võ Trung Chính	Trưởng ban kiểm soát	1.218.609.637	1.074.756.695
Ông Lê Đình Hiệu	Thành viên Ban Kiểm soát	125.000.000	87.055.556
Bà Lê Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	125.000.000	87.055.556
Cộng		1.468.609.637	1.248.867.807

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán ngày 12/05/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31/12/2024	Mã số	Số liệu	Số liệu	Số liệu
		trước điều chỉnh	điều chỉnh	sau điều chỉnh
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.497.411.393	796.297.530	8.293.708.923
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	1.146.116.162	1.146.116.162
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.767.910.579	97.120.685	13.865.031.264
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	731.489.626.480	1.845.293.007	733.334.919.487
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	269.752.732.198	1.845.293.007	271.598.025.205

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH Năm 2024	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	466.549.996.777	(1.942.413.692)	464.607.583.085
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	322.395.853.658	1.942.413.692	324.338.267.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	283.962.651.789	1.942.413.692	285.905.065.481
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	284.419.185.072	1.942.413.692	286.361.598.764
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.666.452.874	97.120.685	14.763.573.559
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	269.752.732.198	1.845.293.007	271.598.025.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.147	(71)	1.076

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ Năm 2024	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	01	284.419.185.072	1.942.413.692	286.361.598.764
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	575.295.116.675	1.942.413.692	577.237.530.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.008.024.976)	(1.942.413.692)	(8.950.438.668)

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02383.588.766 | Fax: 02383.588.767

Email: vanthuhhc@gmail.com | <http://huana.com.vn>

